

Bản án số: **26/2022/HS-ST**
Ngày: 01 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/3/2022 và ngày 01/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 18/TB-TA ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM HỮU T – Sinh năm 1980.

Nơi sinh: Xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

ĐKHKTT: Thôn P, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn MT, xã BM, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Phạm Hữu C, sinh năm 1947 (ông C được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất năm 1985) và con bà Hà Thị P, sinh năm 1948 (bà P được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất năm 1985).

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Có vợ là chị Chu Thị L, sinh năm 1982. Bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 17/01/2022 đến ngày 24/01/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Giang. Được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 24/01/2022 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phạm Thị H – Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Sồi Cầu, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Chị Lương Thị Y, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

+ Anh Trần Vũ H, sinh năm 1986 (*vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/3/2022 và có mặt tại phiên tòa ngày 01/4/2022*).

+ Chị Nhữ Thị K, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982 (*có mặt tại phiên tòa ngày 31/3/2022 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 01/4/2022*).

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Hữu T và chị Phạm Thị H có quan hệ tình cảm từ năm 2019. Do biết T đã có gia đình nên chị H muốn chấm dứt quan hệ tình cảm nhưng T không đồng ý.

Ngày 08/5/2021, T nghe bạn bè nói chị H đã có quan hệ với người khác nên muốn đến nhà chị H để hỏi rõ sự việc. Khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, trong lúc chị H cùng bạn là chị Lương Thị Y, anh Trần Vũ H đang nấu nướng chuẩn bị ăn tối thì T đến. T vào trong nhà rồi kéo cửa cuốn xuống, lúc này chị H đi từ dưới bếp lên khu vực hành lang phòng ngủ. Khi T vào trong nhìn thấy chị H, chị Y, anh H đang ở dưới bếp, T to tiếng, chửi bới chị H đồng thời đi về phía bếp chỉ tay về phía anh H và quát to “*Thằng kia, mày là thằng nào, mày ra đây*”

nói chuyện với tao”. Thấy vậy, chị H ngăn cản không cho T xuống bếp vì lo sợ T sẽ đánh anh H. T tiếp tục quát mắng chị H và nói “*Mày lôi kéo trai về nhà tụ tập*” rồi dùng tay tát vào mặt chị H. Thấy T đánh chị H, chị Y đến can ngăn, cùng với chị H đẩy T ra phòng khách. T tiếp tục lấy 01 chiếc cà lê bằng kim loại để trên mặt kệ tivi phòng khách đi xuống bếp nhưng bị chị H ôm lại, chị Y giằng cà lê trên tay T cất đi. Sau khi bị chị H ngăn cản, T và chị H tiếp tục to tiếng cãi chửi nhau. Cùng lúc này, chị Nhữ Thị K đến nhà chị H để ăn uống. Khi biết T tát, chửi bới chị H, chị K đã khuyên can nhưng T không nghe mà tiếp tục ngồi xuống ghế ở phòng khách chửi Hằng. Chị H đứng gần chỗ T ngồi và sử dụng điện thoại của mình (điện thoại của chị H là loại Iphone 8 Plus màu đen, bên trong có lắp sim số 0702.666.222, ốp lưng màu xanh) sau đó để trên mặt bàn chỗ T ngồi. T dùng tay phải cầm điện thoại của chị H, chị H thấy vậy liền nói: “*Điện thoại của tôi, sao anh lại lấy*” đồng thời dùng 2 tay giằng lại điện thoại nhưng không được, T dùng khuỷu tay phải đánh một nhát vào gáy chị H sau đó đứng dậy cho điện thoại vào túi quần và nói “*Tao không trả*”. Chị H tiếp tục giằng co với T để đòi điện thoại thì bị T dùng tay tát một phát vào mặt, sau đó 2 người tiếp tục ngồi xuống ghế và to tiếng cãi nhau. Lúc này anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn H cũng đến nhà chị H để ăn uống cùng mọi người. Chị H tiếp tục đòi điện thoại nhưng T không trả đồng thời cầm chiếc dép tát 01 phát vào mặt chị H, rồi cầm điện thoại của chị H đi về nhà. Thấy T về, chị H nhờ anh T ra gặp T bảo trả điện thoại nhưng T không trả.

Ngày 10/5/2021, chị H làm đơn trình báo toàn bộ sự việc với Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang. Ngày 11/5/2021, Cơ quan điều tra đã triệu tập T đến làm việc, T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen, lắp sim 0702.666.222, phía sau ốp lưng màu xanh có 01 thẻ ATM của Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Vũ H.

Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐG ngày 01/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự – UBND huyện Bình Giang kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 8 Plus của chị H trị giá 6.530.000đ.

Vật chứng của vụ án: Ngày 15/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang đã trả lại chị H chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu đen, lắp sim 0702.666.222 và ngày 22/8/2021 trả lại anh Trần Vũ H 01 thẻ ATM của Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Vũ H.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Hữu T đã tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 3.920.000đ. Chị H không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 28/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Hữu T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Trong giai đoạn xét xử, bị cáo Phạm Hữu T xuất trình cho Tòa án 01 xác nhận của Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về việc bị cáo đã cung cấp thông tin cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Cẩm Giàng trong việc phát hiện, bắt giữ đối tượng tàng trữ trái phép pháo nổ trên địa bàn huyện Cẩm Giàng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hữu T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng. Bị hại là chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa và xin xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã BM, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Hữu T phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo xin lỗi bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Phạm Hữu T:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, của bị hại, người làm chứng; hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 08/5/2021, tại nhà chị Phạm Thị H ở thôn Sồi Cầu, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, do có mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm, Phạm Hữu T có hành vi dùng tay, dép tát vào mặt, dùng khuỷu tay phải đánh vào gáy chị H rồi chiếm đoạt của chị H chiếc điện thoại Iphone 8 Plus có trị giá 6.530.000đ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ việc dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo chiếm đoạt của chị H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus có trị giá 6.530.000đ, tại thời điểm xảy ra vụ án, chị

H được xác định là có thai tuy nhiên quá trình điều tra thể hiện bị cáo không biết chị H có thai và chị H cũng không nói cho bị cáo biết là chị H đang có thai nên hành vi của bị cáo thực hiện đã cấu thành tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm xảy ra vụ án, chị H có thai nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và bị cáo có bố mẹ để đều được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất năm 1985 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong giai đoạn xét xử bị cáo có tài liệu thể hiện bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội tuy nhiên đã trả lại tài sản chiếm đoạt và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhưng không vì mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị H đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen và trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Hữu T đã tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 3.920.000đ, chị H không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm; anh Trần Vũ H đã nhận lại 01 thẻ ATM của Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Vũ H và không có yêu cầu gì nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 15/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang đã trả lại chị H chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu đen, lắp sim 0702.666.222 và ngày 22/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Giang trả lại anh Trần Vũ H 01 thẻ ATM của Ngân hàng Techcombank mang tên Trần Vũ H là phù hợp quy định của pháp luật nên không phải xem xét, xử lý vật chứng trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu T bị kết án nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T **36** (*ba mươi sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **60** (*sáu mươi*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Hữu T cho UBND xã BM, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đang áp dụng đối với bị cáo Phạm Hữu T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Hữu T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải